

MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ TÌNH TIẾT ĐỊNH TÍNH CẦN ĐƯỢC LÀM RÕ TRONG CHƯƠNG XVI BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015

ThS. TRẦN PHI LONG*
NGUYỄN PHƯƠNG THẢO**

Tóm tắt: Bài viết đi sâu phân tích về một số tình tiết định tính được quy định trong Chương XVI các tội xâm phạm sở hữu của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và chỉ ra những bất cập, hạn chế của các quy định này trong quá trình áp dụng. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi trên thực tế.

Từ khóa: các tội xâm phạm sở hữu; tình tiết định tính; Bộ luật Hình sự.

Ngày nhận bài: 19/6/2022

Ngày hoàn thành biên tập: 28/2/2023

Ngày duyệt đăng bài: 01/3/2023

Abstract: The article deeply analyses a number of qualitative circumstances specified in Chapter XVI - Property infringement crimes of the 2015 Penal Code (amended and supplemented in 2017), and points out inadequacies and limitations of these regulations in practical application. On that basis, the article proposes a number of recommendations to improve the law and the efficiency of implementation in practice.

Keywords: property infringement crimes; qualitative circumstances; the Penal Code.

Đặt vấn đề

Các tội xâm phạm sở hữu được quy định tại Chương XVI Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), gồm 13 tội được quy định từ Điều 168 đến Điều 180. Căn cứ vào tính chất, mục đích phạm tội, khoa học luật hình sự chia các tội xâm phạm sở hữu thành nhóm các tội có tính chiếm đoạt; các tội có mục đích tư lợi không chiếm đoạt và nhóm các tội không có mục đích tư lợi (hoặc gây thiệt hại về tài sản). So với BLHS năm 1999, Chương về các tội xâm phạm sở hữu không có sự thay đổi về số điều luật, nhưng có nhiều nội dung được sửa đổi để phù hợp với quy định về bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp năm 2013, phù hợp với yêu cầu của cải cách tư pháp và công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.

1. Một số tình tiết định tính cần được làm rõ trong Chương XVI Bộ luật Hình sự năm 2015

Để khắc phục những hạn chế, bất cập của BLHS năm 1999, Chương XVI BLHS năm 2015

đã bổ sung một số tình tiết định tội, định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự ở một số tội phạm như: phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc không có khả năng tự vệ; gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; lợi dụng thiên tai, dịch bệnh; lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp; tài sản bị xâm hại là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ; tài sản là di vật, cổ vật; xâm phạm đến bảo vật quốc gia là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự ở một số tội phạm: tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 172), tội trộm cắp tài sản (Điều 173), tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174), tội chiếm giữ trái phép tài sản (Điều 176), tội sử dụng trái phép tài sản (Điều 177), tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 178)... Tuy nhiên, một số tình tiết được quy định tại Chương XVI BLHS năm 2015 còn định tính, chưa cụ thể, gây khó khăn cho cơ quan có thẩm quyền trong quá trình áp dụng pháp luật, điển hình như:

* Học viện An ninh nhân dân.

** Công an TP. Hồ Chí Minh

Một là, tình tiết “gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội” được áp dụng là tình tiết định khung tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174, 175, 178 BLHS năm 2015. Đây là tình tiết, hậu quả mang tính phi vật chất dẫn đến việc đánh giá, áp dụng tùy nghi, phụ thuộc vào nhận thức của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng cũng như phụ thuộc vào đặc trưng, điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương, vùng, miền. Bên cạnh đó, tình tiết “gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội” cũng phụ thuộc vào tính chất của tội phạm. Ví dụ như, khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ có hướng dẫn về tình tiết này cho khoản 3 Điều 353 (tội tham ô tài sản), Điều 355 (tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản) BLHS năm 2015. Theo đó, “*gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội*” quy định tại khoản 3 các điều 353, 355 của Bộ luật Hình sự là một trong các trường hợp sau: a) *Gây khiêu khích đồng người, biểu tình, gây rối để các thế lực thù địch lợi dụng, lôi kéo, kích động chống phá chính quyền, xuyên tạc đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; b) Gây hoang mang, lo sợ hoặc phản nộ trong Nhân dân; c) Gây khó khăn trong việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước*¹. Để nhận thấy, các trường hợp được nêu ra chỉ phù hợp tính chất tội phạm được quy định tại các điều 353, 355 BLHS năm 2015, không thể áp dụng tương tự cho các điều luật khác.

Tuy nhiên, hiện nay, chưa có quy định cụ thể để xác định như thế nào là “gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội” quy

định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174, 175, 178 BLHS năm 2015. Do đó, nếu không có cách hiểu và áp dụng thống nhất, dễ dẫn đến đánh giá theo cảm tính, có thể xảy ra oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm. Bởi lẽ, bản thân cụm từ “an ninh, trật tự, an toàn xã hội” cũng mang ý nghĩa định tính và chỉ được đánh giá ở mức độ tương đối.

Hiện nay, cụm từ “an ninh, trật tự, an toàn xã hội” không được định nghĩa cụ thể trong bất cứ văn bản quy phạm pháp luật nào. Tuy nhiên, có thể thấy, đây là cụm từ ghép xuất phát từ “an ninh quốc gia” và “trật tự, an toàn xã hội”. Theo đó, khoản 1 Điều 3 Luật An ninh quốc gia năm 2004 định nghĩa: “*An ninh quốc gia là sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc*”². Từ điển bách khoa Công an nhân dân Việt Nam định nghĩa về trật tự, an toàn xã hội như sau: “*Trật tự, an toàn xã hội là trạng thái xã hội bình yên trong đó mọi người được sống yên ổn trên cơ sở các quy phạm pháp luật, các quy tắc và chuẩn mực đạo đức, pháp lý xác định*”³. Có thể thấy, định nghĩa của các cụm từ trên đều chỉ là tương đối, do đó, để xác định được rõ nội hàm của cụm từ “gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội” thì cần phải có sự tổng kết hoạt động thực tiễn của các cơ quan thực thi pháp luật, đặc biệt là Bộ Công an - cơ quan chuyên trách thực hiện quản lý nhà

¹ Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ.

² Điều 3 Luật An ninh quốc gia năm 2004.

³ Từ điển Bách khoa Công an nhân dân Việt Nam, Nxb. Công an nhân dân, năm 2005, tr.1182-1183.

nước về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội⁴. Qua đó, dựa trên thực tiễn công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội để có hướng dẫn, xác định cụ thể những hành vi như thế nào được coi là “gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”, trên cơ sở đó đưa ra cách hiểu và áp dụng thống nhất.

Hơn nữa, tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại một địa bàn cụ thể cũng phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố khác nhau như: ý thức chấp hành pháp luật của người dân; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự của các cơ quan thực thi pháp luật; tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật trên địa bàn tại một thời điểm cụ thể... Vì vậy, việc xác định như thế nào là hành vi “gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội” khi chưa có hướng dẫn cụ thể nằm ngoài khả năng của các cơ quan áp dụng pháp luật, đồng thời, dễ dẫn đến cách hiểu và áp dụng không thống nhất trên phạm vi toàn quốc, từ đó, không bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Hai là, tình tiết “tài sản là phương tiện kiếm sống chính của bị hại và gia đình họ” được quy định tại các điều 172, 173, 174, 178 BLHS năm 2015. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể như thế nào là “tài sản là phương tiện kiếm sống chính của bị hại và gia đình họ”, do đó gây khó khăn cho Cơ quan điều tra (CQĐT) trong việc xác định tài sản là phương tiện kiếm sống chính của họ. Chẳng hạn, trong tình huống sau: Bị hại và gia đình làm nghề bán cháo hàng rong để kiếm sống, phương tiện kiếm sống của họ là tủ kính, bếp di động, xe hàng. Tuy nhiên, tài sản đó đã bị đối tượng phạm tội đập phá gây hư hỏng hoàn toàn. Xét về điều kiện việc làm của họ, thì đây có thể được coi là “phương tiện

kiếm sống chính của bị hại và gia đình họ” hay không. Bởi vì, qua xác minh tại địa phương, bị hại và gia đình có điều kiện kinh tế khá giả, có đủ khả năng để có thể mua lại tủ kính, bếp di động, xe hàng để có thể tiếp tục hành nghề. Trong ví dụ trên, nếu như áp dụng tình tiết này trên thực tế sẽ không đánh giá đúng bản chất và hậu quả của hành vi, điều này dẫn đến oan, sai.

Ba là, các tình tiết “bỏ trốn” hoặc “đến hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả” hoặc “đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản” quy định tại Điều 175 BLHS năm 2015 về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Về tình tiết “bỏ trốn”. Đây cũng là một trong các tình tiết định tội của tội danh này. Tuy nhiên, việc xác định tình tiết “bỏ trốn” trong thực tế là rất khó, vì theo quy định của Luật Cư trú hiện hành không bắt buộc người dân phải khai báo tạm vắng tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú.

Về tình tiết “có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả”. Việc thu thập chứng cứ để xác định tình tiết “có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả” là rất khó, vì nhiều trường hợp đối tượng lợi dụng kẽ hở trong các quy định của pháp luật cố tình tẩu tán tài sản.

Về tình tiết “đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản”. Việc chứng minh hành vi “đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản” càng khó khăn hơn. Hiểu như thế nào là dùng tài sản vào mục đích bất hợp pháp là một vấn đề không đơn giản. Theo nghĩa rộng thì “bất hợp pháp” là không đúng với pháp luật không phân

⁴ Điều 12 Luật Công an nhân dân năm 2018.

biệt đó là pháp luật hành chính, dân sự hay hình sự. Nếu hiểu bất hợp pháp như vậy, thì hầu hết các trường hợp mất khả năng thanh toán nợ cho chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản đều là hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản⁵. Do đó, trong thực tiễn áp dụng pháp luật, các cơ quan tiến hành tố tụng thường hiểu theo nghĩa hẹp, theo đó, các hành vi bất hợp pháp được xác định là những hành vi vi phạm pháp luật như: sử dụng tiền, tài sản đó vào mục đích đánh bạc, buôn lậu... Hơn nữa, xuất phát từ tâm lý của người phạm tội luôn khẳng định mình đã thực hiện theo thỏa thuận với bị hại, đồng thời, cố gắng khai báo gian dối, không thừa nhận hành vi, lỗi của mình, nên các đối tượng này không bao giờ thừa nhận nếu không bắt được quả tang hoặc có chứng cứ chứng minh.

Những quy định bất cập trên của tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định của BLHS hiện hành gây ra những khó khăn, vướng mắc khi áp dụng điều luật này, không phân định được ranh giới giữa hình sự và dân sự. Cụ thể, có rất nhiều trường hợp, công ty hoặc doanh nghiệp tư nhân sau khi nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng (hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ, hợp đồng thỏa thuận hợp tác đầu tư kinh doanh...) nhưng không thực hiện bất cứ nội dung thỏa thuận nào theo quy định hợp đồng. Sau đó, họ giải thể công ty hoặc ngừng hoạt động, bỏ địa chỉ đăng ký kinh doanh, nhưng không thông báo với cơ quan thuế (trường hợp doanh nghiệp bỏ trốn)⁶. Đồng thời, cơ quan chức năng không thể liên lạc được với đại diện theo pháp luật của công ty. Nếu nguyên đơn khởi kiện ra Tòa án để xem xét xử lý theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự yêu cầu trả lại tài sản, thì Tòa án

sau khi xác minh không thể xác định được nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật của công ty để mời làm việc, hoặc mời, nhưng họ không đến làm việc, nên phải ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Trong thực tế đã xảy ra và Tòa án chuyển hồ sơ cho CQĐT⁷. Còn nếu nguyên đơn nộp đơn tố cáo tại CQĐT thì cũng không thể xem xét giải quyết được, vì trường hợp này được xác định là các tranh chấp dân sự. Cụ thể, khi CQĐT tiếp nhận, thụ lý, bị đơn vẫn đến làm việc với CQĐT, nên không thể xem là “bỏ trốn” hoặc trường hợp bị đơn không đến làm việc với CQĐT, nhưng Viện kiểm sát yêu cầu phải chứng minh yếu tố bỏ trốn hoặc yêu cầu làm việc với bị đơn để xác định ý thức chiếm đoạt. Từ thực tế như trên, dẫn đến nhiều đối tượng lợi dụng để ký hợp đồng nhận tiền, tài sản, sau đó chiếm đoạt, không thực hiện bất cứ thỏa thuận nào trong hợp đồng nhận tiền, hoặc thỏa thuận trả lại một phần nhỏ trong hợp đồng trong khi nguyên đơn bị mất tiền, tài sản lớn và không biết phải nhờ cơ quan nào can thiệp, giải quyết. Nhiều trường hợp do bức xúc nên bị hại đã nhờ, thuê các đối tượng “xã hội đen” đòi nợ dẫn đến vi phạm pháp luật, làm phức tạp tình hình an ninh, trật tự.

2. Kiến nghị, đề xuất

Để thuận lợi cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình áp dụng pháp luật, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần phối

⁵ Đoàn Thị Ngọc Hải, Nguyễn Văn Điền, *Một số vấn đề về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định của pháp luật hình sự*, <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/nghien-cuu/mot-so-van-de-ve-toi-lam-dung-tin-nhiem-chiem-doat-tai-san-theo-quy-dinh-cua-phap-luat-hinh-su>, truy cập ngày 19/6/2022.

⁶ Xem thêm tại: Quang Minh, *Nạn giải “bài toán” chủ doanh nghiệp bỏ trốn*, <https://dangcongsan.vn/ban-doc/nan-giai-bai-toan-chu-doanh-nghiep-bo-tron-531739.html>, truy cập ngày 05/02/2023.

⁷ Báo cáo của Bộ Công an về sơ kết 3 năm thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

hợp với các cơ quan áp dụng pháp luật, đặc biệt là CQĐT, Viện kiểm sát để sơ kết, tổng kết quá trình thi hành pháp luật, từ đó, hướng dẫn áp dụng các tình tiết trên, cụ thể:

Một là, hướng dẫn cụ thể tình tiết “gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội” để các cơ quan thực thi pháp luật hiểu và áp dụng thống nhất. Cụ thể, chúng tôi đề xuất tiếp cận theo hướng căn cứ vào nguyên nhân, tính chất và hậu quả của hành vi phạm tội để xác định mức độ, phạm vi ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Đồng thời, quy định cơ sở đánh giá: xảy ra bao nhiêu hành vi, trong thời gian bao lâu, ảnh hưởng như thế nào, đối tượng bị ảnh hưởng... Ngoài ra, cần quy định cơ quan nào sẽ là cơ quan đánh giá những ảnh hưởng trên (Công an xã, phường, thị trấn hay Ủy ban nhân dân các cấp) để làm căn cứ xác định.

Hai là, hướng dẫn cụ thể tình tiết “bỏ trốn”. Để xác định đối tượng có “bỏ trốn” hay không, văn bản cần hướng dẫn cụ thể là phải xác minh bao nhiêu lần, tại đâu; khoảng cách giữa các lần xác minh. Ngoài việc xác minh, thì áp dụng thêm biện pháp nào khác hay không, ví dụ như thông báo truy tìm người trên các phương tiện thông tin đại chúng và thời gian bao nhiêu lâu thì xác định rằng người đó bỏ trốn.

Ba là, sửa đổi quy định tại Điều 175 BLHS năm 2015 đối với tình tiết “đến hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả” thành “đến hạn trả lại tài sản, nhưng không chứng minh được có đủ điều kiện, khả năng trả lại tài sản”.

Bốn là, sửa đổi quy định tại Điều 175 BLHS năm 2015 đối với tình tiết “đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản” thành “không chứng minh được việc sử dụng tài sản đó vào mục đích

hợp pháp hoặc sử dụng đúng mục đích của thỏa thuận, dẫn đến không chứng minh được điều kiện, khả năng trả lại tài sản”.

Kết luận

Như vậy, trong phạm vi bài viết này tác giả đã nghiên cứu, phân tích, làm rõ được một số tình tiết định tính được quy định trong Chương XVI BLHS năm 2015. Cụ thể: tình tiết “gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội” được áp dụng là tình tiết định khung tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174, 175, 178; tình tiết “tài sản là phương tiện kiếm sống chính của bị hại và gia đình họ” được quy định tại các điều 172, 173, 174, 178; các tình tiết “bỏ trốn” hoặc “đến hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả” hoặc “đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản” quy định tại Điều 175. Đồng thời, những khó khăn, vướng mắc khi áp dụng những điều luật này trong thực tiễn cũng được chỉ ra. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra bốn nhóm kiến nghị góp phần hoàn thiện pháp luật nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan tiến hành tố tụng và bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trên toàn quốc. □

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo của Bộ Công an về sơ kết 3 năm thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.
2. Đoàn Thị Ngọc Hải, Nguyễn Văn Điền, Một số vấn đề về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định của pháp luật hình sự, <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/ngghien-cuu/mot-so-van-de-ve-toi-lam-dung-tin-nhiem-chiem-doat-tai-san-theo-quy-dinh-cua-phap-luat-hinh-su>, truy cập ngày 19/6/2022.
3. Luật An ninh quốc gia năm 2004.
4. Luật Công an nhân dân năm 2018.
5. Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ.
6. Từ điển Bách khoa Công an nhân dân Việt Nam, Nxb. Công an nhân dân, năm 2015, tr.1182-1183.